

PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN CỦA DANH NHÂN VĂN HÓA LÊ QUÝ ĐÔN TRONG XÃ HỘI ĐƯƠNG ĐẠI

NGUYỄN VĂN BÓN*

Tóm tắt: Danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn là một trong những nhân vật kiệt xuất, nhà bác học lỗi lạc trong lịch sử Việt Nam ở TK XVIII. Ông không chỉ là người nổi tiếng thông minh, mà còn có nhiều công hiến quan trọng cho nước nhà ở nhiều phương diện như chính trị, ngoại giao, triết học, sử học, dân tộc học, nông học, văn học, thư viện học, địa lý học, xã hội học, luật học... Trong sự nghiệp của mình, ông để lại cho hậu duệ nhiều công trình giá trị góp phần trong xây dựng và bảo vệ đất nước, xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc. Lê Quý Đôn là một trong những danh nhân văn hóa tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam, ông còn là minh chứng về đạo đức, trí tuệ, cần cù, yêu nước, sáng tạo, linh hoạt, ham hiểu biết, hiếu học và truyền thống văn hóa dân tộc. Bài viết hệ thống về thân thế, sự nghiệp và những đóng góp của nhà bác học Lê Quý Đôn, đồng thời bàn luận phát huy giá trị di sản của danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn trong bối cảnh xã hội đương đại.

Từ khóa: danh nhân văn hóa, nhà bác học Lê Quý Đôn.

Abstract: Le Quy Don was an outstanding figure and prominent scholar in 18th-century Vietnamese history. He was renowned for his intelligence and made significant contributions to various fields including politics, diplomacy, philosophy, history, ethnology, agronomy, literature, library studies, geography, sociology, and law. Throughout his career, he provided valuable insight into building and protecting the country, as well as developing national civil culture. Le Quy Don exemplifies morality, intelligence, diligence, patriotism, creativity, flexibility, curiosity, research, and national cultural traditions. This article systematically discusses his background, career, and contributions, and explore the heritage value of this cultural celebrity in contemporary society.

Keywords: cultural celebrity, scholar Le Quy Don.

1. Danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn

Danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn (1726-1784), tự là Doãn Hậu, hiệu là Quế Đường, sinh năm Bính Ngọ (1726), làng Diên Hà, huyện Diên Hà, trấn Sơn Nam - nay là thôn Đồng Phú, xã Lê Quý Đôn, tỉnh Hưng Yên (thôn Đồng Phú, Độc Lập, Hưng Hà, Thái Bình trước đây, sau sáp nhập thuộc tỉnh Hưng Yên). Cha ông là Lê Trọng Thứ, đỗ tiến sĩ năm 1724, làm quan Thượng thư Bộ Hình, được phong hàm Thái bảo, tước là Hà Quận Công. Còn thân mẫu của Lê Quý Đôn họ Trương.

Khi còn nhỏ, Lê Quý Đôn đã nổi tiếng thông minh, có trí nhớ tốt, chăm học và chăm làm. Khi 2 tuổi, ông đã đọc chữ “hữu và vô”; 5 tuổi đọc được

nhiều bài trong *Kinh Thi*; năm 10 tuổi, ông học sử, mỗi ngày thuộc được 80 đến 90 chương và học *Kinh Dịch* về phần *Cương hình* và *Đồ thuyết*; năm 14 tuổi ông đã đọc hết *Ngũ Kinh*, *Tứ Thư*, *Truyện* và *Chư tử*. Đặc biệt, ông có thể làm 10 bài phú mà không phải nghĩ và không cần viết nháp.

Đến năm 1739, ông theo cha lên học ở kinh đô Thăng Long. Đầu năm 1743, ông đỗ đầu khoa thi Hương (Giải nguyên). Và khoa thi Nhâm Thìn (1752), niên hiệu Cảnh Hưng 13, ông đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ, đệ nhị danh (Bảng nhãn). Khoa thi này không lấy đỗ Trạng nguyên, cho nên ông là người đỗ đầu. Như thế, từ thi Hương, thi Hội và thi Đình, ông đều đỗ đầu (Tam nguyên).

Năm 1754, sau khi thi đỗ đại khoa, ông được cử chức Hàn lâm viện Thị thư, sung Toàn tu Quốc sử quán, đồng thời, ông nhiều lần làm thanh tra ở trấn Sơn Nam. Tháng 5-1756, ông được biệt phái sang phủ chúa Trịnh, coi phiên Binh, đến tháng 8 ông được cử đi hiệp đồng với đạo Sơn Tây, Tuyên Quang, Hưng Hóa... Năm 1757, ông được bổ nhiệm chức Hàn Lâm viện Thị giảng. Năm 1760, Lê Hy Tông chết, ông và Trần Huy Mật được triều đình cử sang Trung Quốc báo tang và dâng lễ cống. Năm 1762, khi đi sứ về, ông được thăng quan hàm Hàn Lâm viện Thừa chỉ. Năm 1764, ông dâng sớ xin thiết định pháp chế, làm Đốc đồng Kinh Bắc, rồi chuyển làm Tham chính Hải Dương. Nhưng sau đó, không rõ lý do gì, ông xin về quê viết sách.

Năm 1767, Chúa Trịnh Sâm cầm quyền, ông lại được triệu ra làm quan, tham gia biên soạn quốc sử và làm Tư nghiệp ở Quốc tử giám. Năm 1769, ông làm Tán lý quân vụ trong cuộc hành quân đàn áp Lê Duy Mật, rồi được thăng chức Hữu thị lang Bộ Công. Năm 1773, làm Bồi tụng phủ chúa. Và năm 1776, ông làm Hiệp trấn Thuận Hóa (Bình-Trị-Thiên). Sau đó, ông trở về kinh đô Thăng Long làm Tham tụng. Ngày 14-4 năm Giáp Thìn (1784), Lê Quý Đôn mất, thọ 58 tuổi. Khi ông mất đã làm xúc động người dân cả nước. Vũ Khiêu cho biết: “Vua Lê và chúa Trịnh bãi triều ba ngày, coi tang này như một quốc tang”.

2. Những đóng góp và di tích lưu niệm danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn

Lê Quý Đôn được nhiều nhà nghiên cứu đánh giá và tôn vinh là nhà bác học uyên thâm bậc nhất TK XVIII. Ông không chỉ là người thông minh, học giỏi, chăm chỉ, mà còn có cách thức học và phương pháp nghiên cứu khoa học hiệu quả. Danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn để lại cho dân tộc ta nhiều tác phẩm có giá trị khoa học, lịch sử và văn hóa. Theo Nguyễn Minh Tường, Lê Quý Đôn là tác giả của *Đại Việt thông sử* (tên gọi khác là *Lê triều thông sử*), *Kiến văn tiểu lục*, *Lê triều công thần liệt truyện*, *Quần thư khảo biện*, *Thánh mô hiền phạm lục*, *Bắc sử thông lục*, *Vân Đài loại ngữ*, *Phủ biên tạp lục*, *Thư kinh điển nghĩa*, *Quế Đường thi tập*, *Âm chất văn chú*, *Quế Đường thi vịnh tuyển toàn tập*, *Tứ thư ước giải*, *Toàn Việt thi lục*. Còn theo Đinh Xuân Lâm và Trương Hữu Quýnh, thì số lượng tác phẩm của Lê Quý Đôn lên tới khoảng 40 bộ, nay còn lại không quá một nửa. Đương thời nhà

bác học Lê Quý Đôn quan tâm và đóng góp trên nhiều lĩnh vực như chính trị, ngoại giao, quản lý, khoa học... Có thể chia các công trình của ông ở những phương diện sau:

Một là, về sử học: nhà bác học Lê Quý Đôn biên soạn và để lại nhiều công trình tiêu biểu như *Đại Việt thông sử*, *Phủ biên tạp lục*, *Kiến văn tiểu lục*, *Bắc sử thông lục*, *Lê triều công thần liệt truyện*. Trong đó, cuốn *Phủ biên tạp lục*, là tư liệu mà ông thu thập khi làm trấn Thuận Hóa. Đặc biệt, trong công trình này, ông mô tả kỹ về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên về 2 quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Ông mô tả về đặc điểm, hoạt động của đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải, khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (1). Còn do ông đi sứ và đọc được nhiều sách Trung Hoa đã biên soạn *Vân đài loại ngữ*, *Kiến văn tiểu lục*, *Bắc sử thông lục*. Có thể nói rằng, thời vua Lê - chúa Trịnh và Tây Sơn, Lê Quý Đôn là một trong những sử gia nổi tiếng nhất của nền sử học nước ta, ông được nhiều danh nhân đương thời và hậu thế đánh giá rất cao.

Hai là, về triết học: Lê Quý Đôn để lại nhiều tác phẩm tiêu biểu như: *Thi kinh điển nghĩa*, *Dịch Kinh phu thuyết*, *Xuân Thu lược luận*, *Quần thư khảo biện*. Nguyễn Minh Tường viết: “Trong những trước tác của Lê Quý Đôn thể hiện một vũ trụ quan và nhân sinh quan có những yếu tố duy vật, lành mạnh, tích cực. Ông cho nguồn gốc của vũ trụ là một “thứ khí hỗn nguyên” và do sự vận động của thứ khí ấy mà biến thành âm, thành dương, rồi lần lượt biến thành muôn vật, muôn loài. Quan hệ giữa lý và khí, ông cho rằng lý dường như là thuộc tính của khí, là quy luật của khí”. Công trình này ông viết về học thuyết lý, khí, ông nhấn mạnh quy luật vận động phát triển của sự vật. Theo Vũ Khiêu: “Giới triết học tính đến quan điểm duy vật và biện chứng, suy nghĩ về bản thể luận và nhận thức luận của Lê Quý Đôn trong quá trình tiếp thu toàn bộ các trào lưu tư tưởng từ Chu Tử và Khổng Mạnh đến Tống Nho”.

Ba là, về lĩnh vực sáng tác văn học, sưu tập văn chương, văn hóa và những lĩnh vực khoa học khác của Lê Quý Đôn. Về văn học: ông để lại nhiều công trình tiêu biểu như *Hoàng Việt văn hải*, *Quế Đường thi văn tập*. Ngoài ra, ông còn quan tâm đến ngôn ngữ học, dân tộc học/ nhân học, địa lý học... Những lĩnh vực khoa học này được phản ánh trong tác phẩm *Vân đài loại ngữ*. Theo Phan Huy Chú thì: “Bình sinh rất chăm chỉ làm sách. Bàn về kinh sử thì sâu

sắc rộng rãi, mà nói về điển cố thì đầy đủ, rõ ràng. Cái sở trường của ông vượt hơn cả, nổi tiếng trên đời”. Về địa lý học, Nguyễn Minh Tường viết: “Chính Lê Quý Đôn là người đầu tiên ở nước ta chấp nhận lý thuyết quả đất tròn và có lẽ cũng là người đầu tiên biết đến 4 châu: Á, Âu, Phi, Mỹ trên thế giới”. Hơn thế, Lê Quý Đôn còn nắm vững địa lý nhiều vùng khác ở miền Bắc.

Bón là, về nông học: ông dành nhiều tâm huyết nghiên cứu, biết 201 giống lúa, hàng trăm giống cây quả và giống cá. Trong *Vân đài loại ngữ* (ông biên soạn và hoàn thành trong 3 năm), ông trích dẫn đến 557 loại sách, trong đó có cả sách châu Âu dịch sang Hán văn. Ông khuyên nhà nông: “Phép làm cho tốt ruộng, thì nên trồng đậu xanh trước, thứ đến đậu nho và vừng, các thứ ấy trồng vào tháng 5 và 6. Đến tháng 7 và 8 thu hoạch xong cây lật úp xuống. Làm ruộng trồng lúa cho mùa xuân năm sau, thì mỗi mẫu thu được 10 thạch thóc. Những cây đậu vừng, bừa cây lên như thế, sẽ bón cho ruộng tốt ngang với bón phân tằm hay phân người”.

Năm là, danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn là một trong những tiền bối tạo nền móng cho việc hình thành thư viện học ở nước ta. Ông đóng góp quan trọng cho thư viện và thư mục. Nó được phản ánh qua biên soạn thư mục *Nghệ văn chí*, là một chương trong bộ *Đại Việt thông sử*. Trong thiên thư mục này, nhà bác học Lê Quý Đôn đã sưu tầm, thống kê, tra cứu lai lịch thực trạng sách ở nước ta từ nhà Lý đến cuối thời hậu Lê. Trong thư mục *Nghệ văn chí*, ông tổng hợp, phân chia các sách gồm 115 bộ sách Hán Nôm, thành 4 loại: 1) Hiến chương loại gồm 16 tên sách; 2) Thi văn loại gồm 66 tên sách; 3) Truyện ký loại gồm 19 tên sách; 4) Phương kỹ loại gồm 14 tên sách. Trong mỗi bộ sách, ông mô tả tên sách, số quyển, tên người biên soạn hay sáng tác, tóm lược nội dung, ghi chú sách mất hay còn và bình luận về bộ sách ấy. Công trình này của ông còn thể hiện tính khoa học trong thư viện học như xác định các yếu tố mô tả sách, xây dựng khung phân loại sách. Đối với thư mục học, ông là người tổng hợp đầu tiên ở nước ta về phương pháp biên soạn tương đối hoàn chỉnh trong sưu tầm, hệ thống hóa, mô tả, sắp xếp, phân tích, dẫn giải... về tư liệu. Mặt khác, bản thư mục còn phản ánh tính dân tộc, độc lập, thực tiễn, sự sáng tạo và linh hoạt của ông.

Di tích lưu niệm danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn ở thôn Đồng Phú, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh

Thái Bình (nay thuộc thôn Đồng Phú, xã Lê Quý Đôn, tỉnh Hưng Yên) bao gồm 3 công trình chính: tòa từ đường thờ nhà bác học Lê Quý Đôn và những người thân thích của ông, lăng mộ Lê Trọng Thứ (thân phụ Lê Quý Đôn) và hồ Lê Quý. Do di tích lưu giữ, phản ánh về thân thế, sự nghiệp cũng như giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học của nhà bác học Lê Quý Đôn, cho nên cụm di tích lưu niệm này đã được Bộ Văn hóa (nay là Bộ VHTTDL) xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa quốc gia ngày 12-12-1986.

3. Giá trị di sản của danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn trong xã hội đương đại

Một là, phát huy giá trị di sản của danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn trong giáo dục và đào tạo. Thân thế, sự nghiệp, di sản của nhà bác học Lê Quý Đôn góp phần phản ánh về đất nước, con người, lịch sử và văn hóa Việt Nam. Theo Trần Quốc Vương thi: “Ông có phong cách dân gian khoáng đạt hòa trộn trong cái bác học uyên thâm kiểu Nho gia. Khi đã trưởng thành và là một quan lớn, ông vẫn giữ được thói quen “tắm nhân dân”, la cà hàng quán, chùa, đền hay trò chuyện với dân trên đường cái quan, học hỏi được nhiều túi khôn và nền văn minh triết dân gian. Ông tích hợp được tri-thức-dân-gian không văn bản cùng pho sách dày của bách gia chư tử”. Còn Trần Danh Lâm, một trí thức cùng thời đã viết: “Lê Quý Đôn không sách gì là không đọc, không sự vật gì không suy nghĩ đến cùng. Ngày thường nghĩ được điều gì đều viết ngay thành sách. Sách chất đầy bàn, đầy tủ kê ra khôn xiết”.

Chẳng hạn như quan điểm trọng dân, trọng hiền tài, lấy dân làm gốc được ông nghiên cứu, diễn giải, bình luận trong nhiều công trình tiêu biểu như *Quần thư khảo biện*, *Thư kinh diễn nghĩa*. Ông cho rằng: “Gốc của nước vẫn ở dân, sinh mệnh của vua cũng ở dân. Lòng dân một khi lung lay thì xuất hiện thế đất lở, làm nên nghiệp vương, nghiệp bá tước trước hết phải biết dùng người hiền tài, vua biết dùng người hiền tài thì hơn tự dùng mình nhiều lắm. Yêu ghét xung đột nhau sinh ra tốt xấu, xa gần xen lẫn nhau sinh ra hối hận, thật giả xung đột nhau sinh ra lợi hại...”. Đồng thời, ông chỉ ra 5 nguy cơ mất nước: “Trẻ không kính già, trò không trọng thầy, binh kiêu tướng thoái, tham những tràn lan, sĩ phu ngoảnh mặt” (2).

Thực tế cho thấy, giá trị di sản của nhà bác học Lê Quý Đôn vẫn đã và đang được gìn giữ, phát huy trong giáo dục và đào tạo ở nước ta hiện nay. Hình

thức này vừa góp phần phản ánh, vừa tôn vinh thân thể và sự nghiệp của ông qua việc thành lập hệ thống trường học từ mầm non đến đại học. Nhiều trường học ở nhiều tỉnh thành trong cả nước đặt tên danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn thành tên trường. Trong những trường học này đã giới thiệu thân thể và sự nghiệp của nhà bác học Lê Quý Đôn.

Bên cạnh đó, những công trình của ông được chuyển dịch, xuất bản làm tư liệu giảng dạy về lịch sử, văn hóa, giáo dục, khoa học trong hệ thống giáo dục quốc gia. Đặc biệt, đã có luận án tiến sĩ nghiên cứu về tư tưởng triết học và văn học của ông như: luận án chuyên ngành Triết học về *Nghiên cứu so sánh tư tưởng triết học của Lê Quý Đôn và Jeong Yak Yong*; luận án tiến sĩ Văn học về *Tư tưởng học thuật và phương pháp biên định di sản văn chương của Lê Quý Đôn, Bùi Huy Bích và Phan Huy Chú...* Ngoài ra, những công trình của ông còn là các đề tài luận văn, luận án về Sử học, Văn hóa học, Địa lý học... Do đó, Nhà nước nên thành lập cơ quan nghiên cứu vừa mang tên danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn, vừa góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản của ông được tốt hơn trong xã hội đương đại. Như vậy, phát huy giá trị di sản của Lê Quý Đôn trong giáo dục và đào tạo là một trong những phương thức hiệu quả và bền vững nhất.

Hai là, phát huy giá trị di sản nhà bác học Lê Quý Đôn trong phát triển kinh tế, xã hội đương đại như du lịch văn hóa và công nghiệp văn hóa. Có thể nói rằng, di sản liên quan đến danh nhân Lê Quý Đôn và nhiều nhân vật lịch sử khác ở Hưng Yên như Lý Bí, Trần Thủ Độ, Trần Thị Dung, Nguyễn Thị Lộ, Phạm Đôn Lễ, Phan Bá Vành, Nguyễn Đức Cảnh... góp phần phản ánh các thời kỳ lịch sử, công trạng của họ trong xây dựng, phát triển quê hương và đất nước. Song có lẽ Lê Quý Đôn là danh nhân tiêu biểu và nổi tiếng nhất của Hưng Yên. Vì thế mà danh nhân này không chỉ được tôn vinh là nhà bác học lỗi lạc thời phong kiến ở nước ta, mà ông còn góp phần quảng bá vùng đất, con người, lịch sử và văn hóa Hưng Yên. Theo đó, di tích lịch sử và di sản của ông góp phần tạo thành nguồn lực, sức mạnh mềm, là tài nguyên văn hóa quan trọng phát triển thương hiệu, định vị sản phẩm đặc thù trong phát triển du lịch văn hóa ở Hưng Yên. Đồng thời, di tích lưu niệm và công trình về nhà bác học Lê Quý Đôn là một trong những điểm du lịch văn hóa tiêu biểu của địa phương cùng với chùa Keo, đền Trần, làng dệt Phương La, làng

nghề chiếu Hới, ẩm thực, nghệ thuật hát chèo... Nói cách khác, di sản của danh nhân Lê Quý Đôn và di sản văn hóa Thái Bình (trước đây) là nguồn lực, tiềm năng, động lực, tài sản, vốn văn hóa cho quy hoạch, xây dựng chính sách, chiến lược, đầu tư, quảng bá, tạo dựng không gian, trung tâm, tổ chức lễ hội và sự kiện liên quan đến danh nhân nhằm thu hút các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Chẳng hạn, tổ chức sự kiện kỷ niệm 300 năm ngày sinh (1726-2026) hoặc tưởng nhớ 250 năm ngày mất (1784-2034) của danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn vừa tôn vinh vừa thu hút đa nguồn lực cho sự phát triển kinh tế, xã hội ở Hưng Yên. Việc định hướng bảo tồn và phát huy giá trị di sản danh nhân Lê Quý Đôn với những di sản khác trong phát triển du lịch văn hóa không chỉ tạo công ăn, việc làm cho người dân, mà còn là động lực, sức mạnh mềm cho phát triển kinh tế, xã hội. Nó vừa là xu thế, vừa là quy luật tất yếu phù hợp và khách quan trong phát triển kinh tế, xã hội ở nước ta hiện nay. Đồng thời, nó phù hợp với Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 mà Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt.

Bên cạnh đó, di sản gắn với thân thể, sự nghiệp của nhà bác học Lê Quý Đôn còn là tiềm năng, nguồn lực góp phần định hình và tạo dựng ngành công nghiệp văn hóa. Di sản liên quan đến danh nhân Lê Quý Đôn cùng với những di sản văn hóa khác ở Hưng Yên còn là tài nguyên cho ứng dụng khoa học và công nghệ, trí tuệ nhân tạo, bản quyền trí tuệ để bảo tồn và phát huy giá trị của chúng trong bối cảnh hiện nay. Nói cách khác, di sản gắn với danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn còn là động lực cho thế hệ người Việt Nam sáng tạo phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo.

4. Kết luận

Từ những nội dung trên, có thể khẳng định, danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn là một trí thức lỗi lạc và thông tuệ. Ông là một trong những danh nhân tiêu biểu nhất thời vua Lê - chúa Trịnh và Tây Sơn. Ông dành trọn cuộc đời cống hiến cho sự phồn vinh của quốc gia và hạnh phúc của muôn dân. Ông vừa làm quan vừa là một nhà khoa học để lại cho hậu thế một di sản lớn và có giá trị nhiều mặt. Di sản mà ông trao truyền lại rất phong phú và biểu đạt nhiều chiều kích như chính trị, kinh tế, xã hội, các lĩnh vực khoa học và văn hóa dân tộc. Danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn là một người đam mê nghiên cứu khoa học và sáng tạo, là tấm gương sáng cho hậu duệ, nhất là những

người trí thức học tập và noi theo. Hiện nay, di tích lưu niệm danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn không chỉ góp phần lưu giữ, phản ánh thân thể và sự nghiệp của ông, mà còn như một bảo tàng thu nhỏ, một trường học truyền dạy tính hiếu học, sự cần cù, tinh đam mê nghiên cứu khoa học và những cống hiến của nhà bác học với đất nước ta. Di sản của danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn nên được bảo tồn và phát huy giá trị trong giáo dục, đào tạo, phát triển du lịch văn hóa, công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo... Có như vậy, giá trị di sản của nhà bác học Lê Quý Đôn sẽ góp phần phát triển kinh tế, xã hội vừa nhanh, vừa bền vững ■

N.V.B

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA DI TÍCH...

(tiếp theo trang 12)

Các chương trình giáo dục di sản, trong đó có giáo dục tại các di tích cần được xây dựng đồng bộ, linh hoạt, tích hợp và liên ngành. Các chương trình giáo dục không chỉ mang lại hiệu quả về giáo dục kiến thức, giáo dục giá trị truyền thống cho học sinh, mà còn đem lại giá trị kinh tế, xã hội, góp phần tăng cường nguồn lực bảo tồn và phát huy giá trị của di tích trong đời sống đương đại. Vì vậy, cần sự quan tâm, chỉ đạo và trực tiếp tham gia thực hiện của các cơ quan, ban, ngành từ Trung ương đến địa phương. Các cơ quan Trung ương chỉ đạo xây dựng các chương trình hành động nhất quán, xuyên suốt, cùng với sự linh hoạt, sáng tạo trong triển khai ở mỗi địa phương ■

M.T.T.H

1. Nguyễn Thanh, *Lê Quý Đôn viết về Trường Sa và Hoàng Sa*, baothaibinh.com.vn, 9-6-2014.

2. Bùi Hoàng Tâm, *Nỗi “thất vọng” qua lời của Nguyễn Phó Chủ tịch nước*, dantri.com.vn, 7-1-2016.

Tài liệu tham khảo

1. Quốc Chấn, *Thần đồng xưa của Việt Nam*, Nxb Thanh Hóa, 2007.

2. Lê Quý Đôn, *Văn đài loại ngữ* (Tạ Quang Phát dịch), Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1995.

3. Vũ Mạnh Hùng, *Khu lưu niệm danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn*, Bảo tàng tỉnh Thái Bình, 2021.

4. Phạm Bích Huyền, Đặng Thị Hoài Thu, *Các ngành công nghiệp văn hóa*, Nxb Lao động, Hà Nội, 2012.

5. Vũ Khiêu, *Tác phẩm được giải thưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.

6. Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (chủ biên), *Các nhân vật lịch sử - văn hóa*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2008.

7. Nhiều tác giả, *Di tích lịch sử văn hóa Thái Bình*, tập 1, Bảo tàng Thái Bình, 2008.

8. Trương Hữu Quýnh (chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.

9. Phạm Hồng Thái (chủ biên), *Sự phát triển của công nghiệp văn hóa ở Nhật Bản và Hàn Quốc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015.

10. Nguyễn Minh Tường, *Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012.

11. Trần Quốc Vượng, *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn hóa dân tộc - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội, 2000.

12. Trần Quốc Vượng, *Trong cõi*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2014.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 26-5-2025; Ngày phản biện, đánh giá, sửa chữa: 15-6-2025; Ngày duyệt bài: 20-8-2025.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết 33/NQ-TW ngày 9-6-2014 của Hội nghị lần thứ 9 BCH Trung ương Đảng khóa XI*, tulieuvankien.dangcongsan.vn.

2. Chương trình giáo dục phổ thông 2018, ban hành kèm theo Quyết định số 32/2018/TT-BGDĐT, do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ban hành ngày 26-12-2018.

3. Vương Thị Phương Hạnh, *Một số biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục di sản trong dạy học ở trường phổ thông*, Tạp chí *Giáo dục*, 2022, 22(15), tr.24-29.

4, 5. Nguyễn Đức Thắng, *Du lịch giáo dục: rào cản và định hướng phát triển trong thời kỳ mới*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phát triển du lịch giáo dục tại Việt Nam, Viện Nghiên cứu Phát triển du lịch, 2024, tr.57-63.

6. Đường Ngọc Hà, *Giáo dục Di sản theo cách mới*, nhandan.vn, 26-5-2023.

7. Dẫn theo Nguyễn Đức Minh, *Thúc đẩy tương tác du lịch di sản vật thể với phi vật thể*, baoquangnam.vn, 12-2-2023.

Tài liệu tham khảo

1. Chambault, D, R., *John Dewey về giáo dục* (Phạm Anh Tuấn dịch), Nxb Trẻ - books, TP.HCM, 2012.

2. Eric Hobsbawm, *Sáng tạo truyền thống* (Nguyễn Hoàng Nhị Hà dịch), Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6-2011, tr.75-81.

3. Phạm Viết Vượng, *Giáo dục học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2017.

4. Phạm Bích Huyền, *Hoạt động giáo dục nghệ thuật của các đơn vị nghệ thuật biểu diễn quốc gia trên địa bàn Hà Nội*. Luận án tiến sĩ Quản lý văn hóa, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, 2012.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, *Tài liệu Giáo dục địa phương của Thành phố Hà Nội*.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 10-7-2025 Ngày phản biện, đánh giá, sửa chữa: 10-8-2025; Ngày duyệt đăng: 30-8-2025.